

Số: 568 /TB-ĐHM

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 5151/QĐ-ĐHM ngày 03/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Mở Hà Nội.

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng (riêng ngành Ngôn ngữ Anh gồm định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu), hình thức chính quy các ngành sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kỹ thuật viễn thông	8520208	10
2	Công nghệ sinh học	8420201	10
3	Kế toán	8340301	20
4	Quản trị kinh doanh	8340101	40
5	Luật kinh tế	8380107	60
6	Ngôn ngữ Anh	8220201	50
7	Công nghệ thông tin	8480201	10

I. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

1. Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

a) Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý. Người tốt nghiệp đại học các ngành không nằm trong danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức để tích lũy được kiến thức tương đương với các thí sinh đã tốt nghiệp ngành phù hợp. Danh mục ngành phù hợp và các môn phải học bổ sung kiến thức quy định tại phụ lục 01. Nhà trường mở các lớp học bổ sung kiến thức liên tục trong năm.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận của Cục Quản lý chất lượng Bộ GDĐT hoặc các cơ quan đủ thẩm quyền khác.

b) Về năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Mở Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 (hai) năm tính đến ngày dự tuyển;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, đã được cấp trong thời gian không quá 02 (hai) năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển quy định tại Phụ lục 2;

c) Không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khoẻ để học tập;

đ) Nộp hồ sơ và lệ phí đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

2. Thí sinh là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai như quy định tại mục b khoản 1.

II. Phương thức tuyển sinh và tuyển thẳng

1. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển và thi tuyển. Cụ thể:

a) Xét tuyển hồ sơ:

- Căn cứ kết quả học tập toàn khóa học (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) bậc đại học của thí sinh để xét tuyển, xếp từ cao xuống thấp, bao gồm cả điểm ưu tiên kết hợp với kết quả thi môn ngoại ngữ. Trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ như sau:

+ Người có điểm trung bình toàn khóa học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn;

+ Người có điểm thi môn ngoại ngữ cao hơn (thí sinh được miễn thi ngoại ngữ thì điểm ngoại ngữ được quy đổi tương đương 10.0 điểm)

+ Người đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự tuyển hơn.

- Môn ngoại ngữ là môn điều kiện, thí sinh cần đạt từ 50 (thang điểm 100) trở lên và không có kỹ năng nào bị điểm liệt.

b) Thi tuyển: Nhà trường tổ chức thi môn ngoại ngữ (môn điều kiện) đối với các thí sinh chưa đáp ứng được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ. Cụ thể như sau:

- Thí sinh thi các ngành không chuyên tiếng Anh dự thi môn tiếng Anh; thí sinh dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh phải thi ngoại ngữ khác (tiếng Nga, Pháp, Trung Quốc).

- Nội dung thi và dạng thức đề thi: Đề thi đánh giá trình độ tiếng Anh tổng quát của thí sinh thuộc các ngành không chuyên tiếng Anh (hoặc tiếng Nga, Pháp, Trung Quốc thuộc ngành Ngôn ngữ Anh) được thiết kế để kiểm tra theo 4 kỹ năng: Đọc, Viết, Nghe, Nói.

- Thời gian thi:

+ Kỹ năng Đọc: 45 phút;

+ Kỹ năng Viết: 45 phút;

+ Kỹ năng Nghe: 35 phút (gồm cả thời gian thí sinh đọc đề);

+ Kỹ năng Nói: 15 phút/1 thí sinh.

- Cách tính điểm:

+ Tổng điểm bài thi tiếng Anh của các ngành không chuyên tiếng Anh (hoặc tiếng Nga, Pháp, Trung Quốc của ngành Ngôn ngữ Anh) là 100 điểm (Đọc: 30 điểm, Viết: 30 điểm, Nghe: 20 điểm, Nói: 20 điểm);

+ Thí sinh đạt là thí sinh có tổng điểm 4 kỹ năng ≥ 50 điểm và có điểm của từng kỹ năng $\geq 30\%$ yêu cầu của kỹ năng đó (Điểm liệt kỹ năng Đọc: dưới 9,0 điểm; Điểm liệt kỹ năng Viết: dưới 9,0 điểm; Điểm liệt kỹ năng Nghe: dưới 6,0 điểm; Điểm liệt kỹ năng Nói: dưới 6,0 điểm).

- Phương thức thi: Thi viết trực tiếp trên giấy hoặc Nhà trường có thể sử dụng phương thức thi trực tuyến theo quy trình thi trực tuyến.

2. Đối tượng xét tuyển thẳng

Những thí sinh đã tốt nghiệp đại học loại Giỏi trở lên trong thời hạn 01 năm tính đến ngày xét duyệt hồ sơ đăng ký dự thi, thuộc đối tượng không phải học bổ sung kiến thức được xét tuyển thẳng. Những thí sinh này chỉ phải dự thi môn Ngoại ngữ (nếu chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ).

III. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Trường thực hiện chính sách ưu tiên về khu vực và đối tượng ưu tiên như Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành; trong đó khu vực ưu tiên của thí sinh được tính theo địa phương thí sinh tốt nghiệp đại học. Trong trường hợp thí sinh có nhiều bằng tốt nghiệp đại học thì sử dụng bằng tốt nghiệp gần nhất;

2. Điểm ưu tiên được tính vào tổng điểm xét tuyển của thí sinh.

IV. Hồ sơ đăng ký dự tuyển (hồ sơ đã nộp không trả lại) gồm

1. Thí sinh phải nộp Hồ sơ đăng ký dự tuyển theo thời hạn trong Thông báo tuyển sinh. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

a) 01 Đơn xin dự tuyển (theo mẫu tải về từ website của Trường);

b) 01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận cơ quan hoặc chính quyền địa phương (theo mẫu tải về từ website của Trường);

c) 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học;

- d) 01 bản sao có chứng thực bảng điểm toàn khóa học;
- đ) 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);
- e) Bảng điểm các môn học bổ sung kiến thức (nếu có);
- g) 02 phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, điện thoại người nhận;
- h) 01 giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện và tương đương cấp;
- i) 03 ảnh 4x6cm ghi rõ họ tên, ngày sinh, ngành dự thi;
- j) Bản sao có chứng thực các giấy tờ ưu tiên (nếu có).

2. Thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển trực tuyến và tải đơn xin dự thi tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

V. Thời gian nhận hồ sơ, thi tuyển và nhập học

TT	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Hạn cuối nhận hồ sơ	31/05/2024	Những thí sinh phải học bổ sung kiến thức nếu hoàn thành việc học bổ sung kiến thức trước hạn cuối nhận hồ sơ thì sẽ xét tuyển cùng đợt của Thông báo này, nếu chưa hoàn thành việc bổ sung kiến thức sẽ tổ chức vào đợt sau.
2	Tổ chức xét duyệt hồ sơ	05/06/2024	
3	Tổ chức thi môn ngoại ngữ	23/06/2024	
4	Dự kiến thời gian nhập học	02/07/2024	

Ghi chú: Các mốc thời gian có thể điều chỉnh tùy theo điều kiện thực tế.

VI. Lệ phí đăng ký dự tuyển và học phí:

- Lệ phí đăng ký xét tuyển: 100.000đ/thí sinh/hồ sơ
- Lệ phí thi môn ngoại ngữ: 150.000đ/thí sinh
- Học phí:

TT	Ngành	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Kỹ thuật viễn thông	27.810.000 đồng	Dự kiến hàng năm tăng 10%
2	Công nghệ sinh học		
3	Công nghệ thông tin		
4	Ngôn ngữ Anh	28.500.000 đồng	
5	Quản trị kinh doanh	26.688.000 đồng	
6	Kế toán		
7	Luật kinh tế		

VII. Địa điểm học tập, thời gian đào tạo:

- 1. Địa điểm học tập: Trường Đại học Mở Hà Nội
- 2. Thời gian đào tạo (theo kế hoạch học tập chuẩn): 02 năm.

- Học viên được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính quy quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Đối với các trường hợp được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ, Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Nhà trường sẽ căn cứ kết quả học tập đã tích lũy tại chương trình đào tạo đã được cấp văn bằng, tổ chức xét công nhận tín chỉ đối với từng trường hợp. Thời gian để hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được công nhận tích lũy, nhưng không vượt quá 30 tín chỉ.

VIII. Địa điểm tư vấn và nhận hồ sơ:

1. Phòng Quản lý Đào tạo - Trường Đại học Mở Hà Nội (Phòng A1.3)

Địa chỉ: Nhà B101 Phố Nguyễn Hiền, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.38682299 - 024.38694821

Email: daotao@hou.edu.vn

2. Các cơ sở phối hợp với Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh và tư vấn (thông báo tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ: <https://tuyensinh.hou.edu.vn>).

Ghi chú: Mọi thông tin liên quan đến công tác tuyển sinh được đăng tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường (<http://tuyensinh.hou.edu.vn>).

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Các CS phối hợp tuyển sinh;
- Cổng thông tin tuyển sinh Nhà trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS Nguyễn Thị Nhung



Phụ lục 3

DANH SÁCH CÁC ĐỊA ĐIỂM TƯ VẤN VÀ THU HỒ SƠ

(Kèm theo Thông báo số 568/TB-ĐHM ngày 07 tháng 02 năm 2024)

ST T	Tên trạm	Địa chỉ	Thông tin liên hệ
1	Trung tâm GDNN - GDTX TP. Móng Cái	Số 97 đường Hùng Vương, Phường Hòa Lạc, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh	Cô Đinh Thị Yến: 0989364076 Thầy Nguyễn Viết Thanh: 0989364076
2	Trung tâm GDTX Hải Phòng	Số 33 Nguyễn Đức Cảnh, Phường An Biên, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	Phòng tuyển sinh: 0225.3511061 Cô Bùi Thị Thùy Dung: 0902280387
3	Trung tâm GDTX - Ngoại ngữ Tin học tỉnh Bắc Giang	Cơ sở 1: Số 832 Lê Lợi, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang Cơ sở 2: Đường Lý Tự Trọng, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang	Cô Nguyễn Thị Thanh Hoa: 0386217124
4	Trung tâm GDTX - HN tỉnh Lai Châu	Số 274, Phường Quyết Thắng, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	Cô Vui Thị Yến: 0904835825
5	Trung tâm GDTX Vĩnh Phúc	Số 43 Chu Văn An, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Cô Vũ Thị Minh Nguyệt: 0862251176
6	Trung tâm GDTX tỉnh Nam Định	Thôn Đệ Tứ, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định	Thầy Nguyễn Huy Tuệ: 0989650157
7	Trung tâm Dịch vụ Việc làm Thái Bình	Tổ 7, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Cô Đặng Hồng Thái: 0912889126
8	Trường Trung cấp Công nghệ và Kinh tế đối ngoại	Số 41 Đặng Trần Côn, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cô Nguyễn Thị Kim Hồng: 0913006284